

# ĐẠI TỪ QUAN HỆ TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG PHÁP, NHỮNG ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT

## Tóm tắt:

Đại từ quan hệ và mệnh đề quan hệ là vấn đề ngữ pháp quan trọng của Tiếng Anh và Tiếng Pháp. Đối với những người Việt mới bắt đầu học một trong hai ngoại ngữ này, đây là vấn đề rất khó vì đại từ quan hệ trong tiếng Anh và Tiếng Pháp (ngôn ngữ biến hình) rất khác so với Tiếng Việt. Nhiều sinh viên Đại học Giao thông Vận tải, kể cả sinh viên Cầu đường Anh, cảm thấy bối rối trong việc sử dụng đại từ quan hệ Tiếng Anh. Tình hình đối với đại từ quan hệ trong tiếng Pháp cũng tương tự và thậm chí còn tồi hơn vì đại từ quan hệ trong tiếng Pháp phức tạp hơn đại từ quan hệ tiếng Anh rất nhiều. Nội dung bài báo này so sánh sự giống và khác nhau giữa đại từ quan hệ tiếng Anh và tiếng Pháp nhằm giúp cho người mới bắt đầu học một trong hai ngôn ngữ này hiểu sâu hơn về chức năng ngữ pháp và ngữ nghĩa của đại từ quan hệ. Hơn nữa, bài báo còn giúp cho những người đã biết một trong hai ngôn ngữ có thể học được ngôn ngữ kia một cách dễ dàng hơn vì hai hệ thống đại từ quan hệ trong tiếng Anh và tiếng Pháp có rất nhiều điểm tương đồng.

## Summary:

Relative pronouns and relative clauses is an important grammatical category in both English and French. Relative pronouns seem very challenging for people who are learning English or French for the first time because they are so different from those in Vietnamese. Many students at the UTC, even Road and Bridge English students, are confused when using English relative pronouns. The situation with French relative pronouns is even worse because the French relative pronoun system is more complicated than that in English. This article compares English and French relative pronouns pointing out their similarities and differences in order to provide beginners of both English and French with a more thorough understanding of the semantic and grammatical functions of relative pronouns in both languages. In addition, it helps learners of either English or French who already know one language master relative pronouns of the other better because the two relative pronoun systems have a lot of things in common.

## I. MỞ ĐẦU

Học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh đã trở thành một yêu cầu hết sức cấp thiết của mọi người sống trong thời kỳ hội nhập kinh tế và toàn cầu hóa. Trong bối cảnh hiện nay, biết một ngoại ngữ là chưa đủ mà còn phải học thêm các ngoại ngữ khác. Hiện nay rất nhiều sinh viên Cầu đường Pháp phải học thêm tiếng Anh để đi làm cho các công ty liên doanh sử dụng tiếng Anh và nhiều sinh viên cầu đường Anh phải học thêm tiếng Pháp để tham gia các chương trình hợp tác đào tạo của chính phủ Pháp và Việt Nam. Tại trường Đại học Giao thông Vận

tải, có rất nhiều các giảng viên và sinh viên đã biết tiếng Anh, Pháp hoặc một ngôn ngữ Ấn Âu khác và hiện nay lại đang học thêm tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.

Khi mới bắt đầu học tiếng Anh hoặc tiếng Pháp thì những học viên lớn tuổi thường quan tâm nhiều đến ngữ pháp. Không giống như những trẻ em học tiếng mẹ đẻ, người lớn học ngoại ngữ khi bản thân đã trưởng thành về mặt ngôn ngữ và có thể học các quy tắc, cấu trúc ngữ pháp, từ vựng nhanh hơn. Vậy người lớn học ngoại ngữ có một lợi thế là họ đã trưởng thành về mặt tư duy và ngôn ngữ, có thể so sánh các ngôn ngữ đã biết để học ngoại ngữ nhanh hơn và sử dụng ngoại ngữ chuẩn hơn. Một lý do nữa khiến chúng ta quan tâm nhiều đến hệ thống ngữ pháp khi học tiếng Anh hoặc tiếng Pháp là hai ngôn ngữ này đều là ngôn ngữ Ấn Âu, đa âm tiết và biến hình. Chúng có hệ thống ngữ pháp rất khác với tiếng Việt của chúng ta: một ngôn ngữ đơn âm tiết và không biến hình. Những phạm trù mới mẻ như thì, thể, thức, câu chủ động, câu bị động, câu điều kiện, đại từ quan hệ, hợp hợp số, v.v... có trong tiếng Anh và tiếng Pháp. Nếu không nắm vững các vấn đề này ta sẽ gặp rất nhiều khó khăn khi sử dụng ngôn ngữ.

Một học viên trưởng thành chưa biết ngoại ngữ nào bắt đầu học tiếng Anh hoặc tiếng Pháp thì quả là rất khó vì phải tiếp xúc với nhiều khái niệm mới mẻ, hầu như không bao giờ được đề cập đến trong tiếng Việt hoặc chỉ được đề cập đến rất ít. Tuy nhiên, khi đã biết một trong hai ngôn ngữ này rồi thì học ngôn ngữ kia sẽ nhanh hơn rất nhiều vì ta có thể so sánh đối chiếu hai hệ thống ngữ pháp và từ vựng rồi rút ra những điểm tương đồng và khác biệt. Hệ thống đại từ quan hệ và mệnh đề quan hệ trong tiếng Anh và tiếng Pháp là vấn đề ngữ pháp cơ bản. Tuy có khác biệt nhưng một đại từ quan hệ trong tiếng Anh thường là có một đại từ quan hệ tương đương trong tiếng Pháp với chức năng ngữ pháp giống nhau. Tác giả hy vọng rằng việc so sánh đối chiếu vấn đề đại từ quan hệ của hai ngôn ngữ này sẽ giúp cho người học trước hết là học tốt đại từ quan hệ của tiếng Anh và tiếng Pháp và sau đó rút ra phương pháp để học các vấn đề ngữ pháp khác.

## II. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ ĐẠI TỪ QUAN HỆ VÀ MỆNH ĐỀ QUAN HỆ

Một mệnh đề là một cụm chủ vị có thể trùng với một câu hoặc là một bộ phận của câu. Trong câu ghép thì các mệnh đề tồn tại độc lập còn trong câu phức có các mệnh đề chính và mệnh đề phụ. Trong tiếng Anh và tiếng Pháp, mệnh đề quan hệ chính là mệnh đề phụ ở trong câu phức. Mệnh đề quan hệ còn có một tên gọi khác là mệnh đề tính ngữ vì có chức năng bổ nghĩa cho một danh từ đứng trước nó. Mệnh đề quan hệ giúp cho người ta nối hai câu độc lập thành một câu ngắn gọn hơn và súc tích hơn. Ví dụ, ta có thể nối hai câu đơn thành một câu phức như sau:

Tiếng Anh	Tiếng Pháp	Tiếng Việt
- This is a dress. - I didn't buy the dress.	- C'est une jupe - Je n'ai pas acheté cette jupe → C'est la jupe que je n'ai pas achetée.	Đây là một chiếc váy. Tôi đã không mua chiếc váy này. Đây là chiếc váy mà tôi đã không mua.

Vậy trong ví dụ trên thì hai câu độc lập đã được nối thành một câu phức có mệnh đề quan hệ nhằm bổ nghĩa cho danh từ đứng trước. Trong trường hợp này thì đại từ quan hệ là thay cho sự vật làm bổ ngữ trực tiếp của động từ. Trong tiếng Anh, ta dùng từ **that** hoặc **which** hoặc có thể bỏ đại từ quan hệ đi được (vì thay cho tân ngữ) còn trong tiếng Pháp ta dùng đại từ quan hệ **que**. Trong bài báo này, mệnh đề quan hệ được in đậm; đại từ quan hệ được in đậm, nghiêng, có gạch chân.

### III. SO SÁNH ĐẠI TỪ QUAN HỆ TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG

#### PHÁP 3.1. Đại từ quan hệ thay cho chủ ngữ

Ở cả hai ngôn ngữ đều có đại từ quan hệ thay cho chủ ngữ. Vị trí trong câu cũng như chức năng ngữ pháp của đại từ quan hệ là như nhau. Trong tiếng Anh đại từ quan hệ thay cho chủ ngữ có 3 từ: **Who** thay cho chủ ngữ là một từ chỉ người, **which** thay cho chủ ngữ là từ chỉ sự vật và **that** có thể thay thế cho chủ ngữ là từ chỉ cả người và vật. Trong tiếng Pháp thì đại từ quan hệ thay cho chủ ngữ là **qui** dù cho chủ ngữ này là người hay vật cũng vậy. Khi đại từ quan hệ thay cho chủ ngữ thì bắt buộc phải có đại từ quan hệ trong mệnh đề quan hệ:

Tiếng Anh	Tiếng Pháp	Tiếng Việt
Ví dụ 1: - Give me <b>the book</b> . - <b>The book</b> is on the table. → Give me the book <b>which/that is on the table</b> . Ví dụ 2: - I am waiting for <b>the children</b> . - <b>The children</b> will come back at 5 o'clock. → I am waiting for the children <b>who will come back at 5 o'clock</b> .	Ví dụ 1: - Passez-moi <b>le livre</b> . - <b>Le livre</b> est sur la table. →Passez - moi le livre <b>qui est sur la table</b> . Ví dụ 2: - J'attends les enfants . - Les enfants rentreront à 5 heures →J'attends les enfants qui rentreront à 5 heures.	Ví dụ 1: - Đưa cho tôi quyển sách. - Quyển sách ở trên bàn. - Đưa cho tôi quyển sách ở trên bàn. Ví dụ 2: - Tôi đang đợi bọn trẻ. - Bọn trẻ sẽ trở về vào lúc 5 giờ. - Tôi đang đợi bọn trẻ, chúng sẽ về vào lúc 5 giờ.

#### 3.2. Đại từ quan hệ thay cho tân ngữ trực tiếp (bổ ngữ trực tiếp)

Để thay cho một bổ ngữ trực tiếp dù là danh từ chỉ người hay là chỉ vật thì trong tiếng Pháp người ta sử dụng đại từ quan hệ **que**. Trong tiếng Anh, vấn đề phức tạp hơn vì có tới 3 từ. Trước kia người ta thường dùng từ **whom** thay cho tân ngữ là từ chỉ người. Nhưng nay từ **whom** không thường xuyên được sử dụng với chức năng này mà được thay thế bằng từ **who**. Thay cho vật có thể dùng từ **which**. Từ **that** lại có thể thay thế cho cả tân ngữ trực tiếp là người hoặc vật. Nói cách khác thì chức năng cả từ **que** trong tiếng Pháp tương đương với từ **whom, who, which, và that** trong tiếng Anh. Một điều quan trọng là trong tiếng Anh người ta có thể bỏ đại từ quan hệ thay cho tân ngữ trực tiếp mà vẫn không ảnh hưởng đến ngữ pháp và ngữ nghĩa của câu:

Tiếng Anh	Tiếng Pháp	Tiếng Việt
<p>Ví dụ 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>The student</i> was an hour late.</li> <li>- I met <i>the student</i>.</li> </ul> <p>→ The student (<u>who/whom/that</u>) <i>I met was an hour late.</i></p> <p>Ví dụ 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- I read <i>the letter</i>.</li> <li>- You wrote <i>the letter</i> to him.</li> </ul> <p>→ I read the letter (<u>which/that</u>) <i>you wrote to him.</i></p>	<p>Ví dụ 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>L'étudiant</i> a eu une heure de retard.</li> <li>- J'ai rencontré <i>l'étudiant</i>.</li> </ul> <p>→ <i>L'étudiant que j'ai rencontré a eu une heure de retard.</i></p> <p>Ví dụ 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- J'ai lu <i>une lettre</i>.</li> <li>- Vous lui avez écrit <i>cette lettre</i>.</li> </ul> <p>→ J'ai lu la lettre <u>que</u> <i>vous lui avez écrite.</i></p>	<p>Ví dụ 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên đó muộn một tiếng.</li> <li>- Tôi đã gặp sinh viên đó.</li> </ul> <p>→ Sinh viên mà tôi đã gặp bị muộn một tiếng.</p> <p>Ví dụ 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tôi đã đọc bức thư.</li> <li>- Anh viết cho anh ấy bức thư.</li> </ul> <p>→ Tôi đã đọc bức thư mà anh đã viết cho anh ấy.</p>

### 3.3. Đại từ quan hệ thay cho tân ngữ gián tiếp đứng sau một giới từ

#### 3.3.1. Khi tân ngữ gián tiếp là người

Trong tiếng Anh đại từ quan hệ **whom** thay cho tân ngữ là người đứng sau một giới từ. Khi giới từ đứng sau đại từ quan hệ thì có thể bỏ đại từ quan hệ đi. Trong tiếng Pháp người ta sử dụng đại từ quan hệ **qui**. Tuy vậy, trong nhiều trường hợp có thể dùng đại từ quan hệ kép **lequel** (giống đực số ít), **laquelle** (giống cái số ít), **lesquels** (giống đực số nhiều) và **lesquelles** (giống cái số nhiều).

Tiếng Anh	Tiếng Pháp	Tiếng Việt
<p>Giới từ + <b>whom</b></p> <p>(<u>who/whom/that</u>) + ... + giới từ</p>	<p>Giới từ + <b>qui</b></p> <p>Giới từ + <b>lequel, laquelle, lesquels, lesquelles.</b></p>	
<p>Ví dụ 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- You talked to <i>the child</i>.</li> <li>- <i>The child</i> is one of my friend.</li> </ul> <p>→ The child <u>to whom you talked</u> is one of my friends.</p> <p>The child (<u>whom/who/that</u>) <u>you talked to</u> is one of my friends.</p>	<p>Ví dụ 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tu as parlé à <i>l'enfants</i>.</li> <li>- <i>L'enfant</i> est un de mes amis.</li> </ul> <p>→ L'enfant à <u>qui tu as parlé</u> est un de mes amis.</p>	<p>Ví dụ 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bạn nói chuyện với cậu bé.</li> <li>- Cậu bé này là một trong những người bạn của tôi.</li> </ul> <p>→ Cái cậu bé mà bạn nói chuyện chính là một trong những người bạn của tôi.</p>

<p>Ví dụ 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- This is <b>a competent physician</b>.</li> <li>- You can have confidence in <b>him</b>.</li> </ul> <p>→ This is a competent physician <b><u>in whom you can have confidence</u></b>.</p> <p>→ This is a competent physician (<b><u>whom/who/that</u></b>) <b><u>you can have confidence in</u></b>.</p>	<p>Ví dụ 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- C'est un <b>médecin compétent</b>.</li> <li>- On peut avoir confiance en <b>lui</b>.</li> </ul> <p>→ C'est un médecin compétent <b><u>en qui on peut avoir confiance</u></b>.</p>	<p>Ví dụ 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đây là một bác sĩ giỏi.</li> <li>- Người ta có thể tin tưởng vào ông ấy.</li> </ul> <p>→ Đây là một bác sĩ giỏi mà người ta có thể tin tưởng.</p>
<p>Ví dụ 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- I met <b>my school-friends</b>.</li> <li>- I feel very happy <b>among them</b>.</li> </ul> <p>→ I met my school friends <b><u>among whom I feel very happy</u></b>.</p>	<p>Ví dụ 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- J'ai retrouvé <b>mes amis de lycée</b>.</li> <li>- Je me sens bien <b>avec eux</b>.</li> </ul> <p>→ J'ai retrouvé mes amis de lycée <b><u>avec lesquels je me sens bien</u></b>.</p> <p>Trong trường hợp này không dùng từ <b>qui</b> vì ý muốn nhấn mạnh trong số nhiều bạn và danh từ <b>bạn</b> ở đây là là giống đực số nhiều cho nên sử dụng <b>avec lesquels</b>.</p>	<p>Ví dụ 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tôi đã gặp những bạn học cũ.</li> <li>- Tôi rất vui khi ở bên họ.</li> </ul> <p>→ Tôi đã gặp những người bạn cũ và rất vui khi ở bên họ.</p>

### 3.3.2. Khi tân ngữ gián tiếp là vật

Trong tiếng Anh người ta dùng đại từ quan hệ **which** để thay cho một tân ngữ gián tiếp là sự vật đứng sau một giới từ. Khi giới từ có thể chuyển về phía sau thì sử dụng đại từ quan hệ **which** hoặc **that**. Dù cho danh từ đó là số ít hay số nhiều (tiếng Anh không phân biệt giống của danh từ) thì vẫn chỉ dùng từ **which** (đứng sau giới từ) và **which** hoặc **that** (đứng trước giới từ). Khi **which** hoặc **that** đứng trước giới từ thì có thể bỏ đại từ quan hệ đi. Trong tiếng Pháp tình hình trở nên phức tạp hơn nhiều vì ta phải xét đến giống và số của danh từ cần thay thế. Căn cứ vào giống và số của giới từ người ta sẽ chọn trong số các đại từ quan hệ kép đó là **lequel** (giống đực số ít), **laquelle** (giống cái số ít), **lesquels** (giống đực số nhiều) và **lesquelles** (giống cái số nhiều). Xét về vị trí thì trong tiếng Pháp đại từ quan hệ lại luôn đứng sau giới từ.

Tiếng Anh	Tiếng Pháp	Tiếng Việt
<p>Ví dụ 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- The inspector found the corpses <b>on the beach</b>.</li> <li>- <b>The beach</b> is one in Trouville.</li> </ul> <p>→The beach <b>on which the inspectors found the corpses</b> is one in Trouville.</p>	<p>Ví dụ 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Les inspecteurs ont trouvé le corps <b>sur une plage</b>.</li> <li>- <b>Cette plage</b> est celle de Trouville</li> </ul> <p>→La plage <b>sur laquelle les inspecteurs ont trouvé le corps</b> est celle de Trouville.</p> <p>Vì la plage là danh từ giống cái nên đại từ quan hệ <b>laquelle</b> được sử dụng. Nếu là giống đực thì dùng <b>lequel</b>. Vị trí của giới từ <b>sur</b> không thể chuyển về sau như ở tiếng Anh.</p>	<p>Ví dụ 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những người điều tra đã tìm thấy cái xác chết trên bãi biển.</li> <li>- Bãi biển này là một bãi biển ở Trouville.</li> <li>- Bãi biển mà những người điều tra tìm thấy xác chết là một bãi biển ở Trouville.</li> </ul>
<p>Ví dụ 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- The ideas are noble.</li> <li>- We fight for the ideas.</li> </ul> <p>The ideas for which we fight are noble.</p> <p>Dù cho the ideas là số nhiều nhưng vẫn chỉ dùng đại từ quan hệ which/that. Giới từ for có thể đứng trước từ which hoặc đứng sau.</p>	<p>Ví dụ 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Les idées sont nobles.</li> <li>- Nous luttons pour les idées .</li> </ul> <p>→ Les idées pour lesquelles nous luttons sont nobles.</p> <p>Les idées là giống cái số nhiều nên phải dùng lesquelles.</p>	<p>Ví dụ 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những tư tưởng là cao quý.</li> <li>- Chúng tôi đấu tranh cho những tư tưởng đó.</li> </ul> <p>→ Chúng tôi đấu tranh cho những tư tưởng cao quý. (Dịch theo phương pháp giao tiếp)</p>
<p>Ví dụ 3:</p> <p>The laws on which we bases our decision are solemn.</p> <p>The law which/ that we based our decision on are solemn.</p>	<p>Ví dụ 3:</p> <p>→ Les lois sur lesquelles nous appuyons notre décision sont sacrées.</p> <p>→ Les lois cũng là giống cái số nhiều nên phải dùng lesquelles.</p>	<p>Ví dụ 3:</p> <p>→ Luật pháp mà căn cứ vào đó chúng ta đưa ra quyết định là rất tôn nghiêm.</p>
<p>Ví dụ 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- This is <b>a pen</b>.</li> <li>- I cannot write <b>without a pen</b>.</li> </ul> <p>This is a pen <b>without which I cannot write</b>.</p> <p>Đại từ quan hệ <b>which</b> đứng sau giới từ <b>without</b>. Trong</p>	<p>Ví dụ 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- C'est <b>un stylo</b>.</li> <li>- Je ne peux pas écrire <b>sans le stylo</b>.</li> </ul> <p>→ C'est un stylo <b>sans lequel je ne peux pas écrire</b>.</p> <p>Từ style là danh từ giống đực số ít nên ta phải dùng đại từ</p>	<p>Ví dụ 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đây là một chiếc bút.</li> <li>- Tôi không thể viết nếu không có bút.</li> </ul> <p>→ Đây là một chiếc bút mà không có nó tôi không thể viết.</p>

<p>trường hợp này ta không thể chuyển vị trí của giới từ <b>without</b> về phía sau vì đây là một giới từ tồn tại độc lập với động từ <b>write</b>. Khi giới từ đứng trước thì nhất định phải có đại từ quan hệ <b>which</b> còn khi nó đứng sau thì có thể dùng <b>which</b> hoặc <b>that</b> hoặc thậm chí có thể bỏ đại từ quan hệ đi.</p>	<p>quan hệ <b>lequel</b> đứng sau giới từ <b>sans</b> (nếu có). Ta xét một ví dụ khác khi đại từ quan hệ thay cho một danh từ làm tân ngữ gián tiếp và là danh từ giống đực số nhiều:</p>	
<p>Ví dụ 5: - In the artic, the children found <b>the old costumes</b>. - They are going to disguise <b>with the old costumes</b>. → In the artic the children found the old costumes <b>with which they are going to disguise</b>. → In the artic the children found the old costumes <b>which/that they are going to disguise with</b>.</p>	<p>Ví dụ 5: - Dans le grenier, les enfants ont retrouvé de <b>vieux vêtements</b>. - Ils vont se déguiser <b>avec ces vêtements</b>. → Dans le grenier, les enfants ont retrouvé de vieux vêtements <b>avec lesquels ils vont se déguiser</b>.</p>	<p>Ví dụ 5: - Bọn trẻ tìm thấy trang phục lễ hội ở trên tầng gác mái. - Chúng sẽ hóa trang bằng những trang phục lễ hội này. → Bọn trẻ tìm thấy trang phục lễ hội ở trên tầng gác mái và chúng sẽ dùng để hóa trang.</p>

Trong tiếng Pháp lại có một hiện tượng rất khác tiếng Anh là đối với giới từ **à** và **de** khi đi với các đại từ quan hệ thì có sự biến đổi như sau: **à lequel** → **auquel**; **à lesquels** → **auxquels**; **à lesquelles** → **auxquelles**; **de lequel** → **duquel**; **de lesquels** → **desquels**; **de lesquelles** → **desquelles**. Ta xét một ví dụ về đại từ quan hệ kép trong tiếng Pháp và câu có mệnh đề quan hệ tương đương trong tiếng Anh:

→ Le projet **auquel** *M. Potiron avait proposé* a échoué horriblement.

→ The project (**which/that**) *Mr. Potiron proposed* was unsuccessful.

→ Dự án mà ông Potiron đề xuất đã không thành công.

Động từ proposer của tiếng pháp đi với giới từ **à qqch**; danh từ **projet** là danh từ giống đực số ít do đó ta có **à lequel** được viết thành **auquel**. Trong tiếng Anh thì động từ cùng nghĩa **propose** đi với một tân ngữ trực tiếp không kèm giới từ nên ta chỉ cần dùng đại từ quan hệ **which/that** hoặc bỏ hẳn đại từ quan hệ.

Trong trường hợp đại từ quan hệ đi với giới từ **de** thì bên cạnh việc dùng **duquel, de laquelle, ...** ta còn có thể dùng đại từ quan hệ **dont**. ví dụ:

Tiếng Anh	Tiếng Pháp	Tiếng Việt
- This is <b>the legend</b> . - He derived the scenario of the film from <b>this legend</b> . → This is the legend <b>from</b> _____ <b>which he derived the scenario of the film</b> . → This is the legend ( <b>which/that</b> ) <b>he derived the scenario of the film from</b> .	- C'est <b>la légende</b> . - Il a tiré le scénario de son film <b>de la légende</b> . → C'est la légende de laquelle (dont) il a tiré le scénario de son film.	- Đây là truyền thuyết. - Anh ấy đã soạn kịch bản của bộ phim theo truyền thuyết này. → Đây là truyền thuyết mà theo đó anh ấy đã soạn kịch bản cho bộ phim.

Như vậy đại từ quan hệ thay cho sự vật làm tân ngữ gián tiếp đứng sau một giới từ trong tiếng Anh đơn giản hơn còn trong tiếng Pháp lại rất phức tạp. Trong tiếng Anh, ta chỉ cần dùng giới từ + **which** ở mọi trường hợp là câu luôn đúng. Tuy nhiên, ta cũng có thể sử dụng từ **that** thay cho **which**, bỏ đại từ quan hệ, hoặc chuyển chỗ của giới từ tùy theo từng trường hợp. Trong tiếng Pháp thì tùy thuộc vào giống, số, và giới từ mà ta phải chọn trong số rất nhiều các đại từ quan hệ kép. Điều này gây nhiều khó khăn cho người học tiếng Pháp ngay cả khi họ đã biết tiếng Anh.

### 3.4. Đại từ quan hệ chỉ nơi chốn và thời gian

Ở phần này thì tiếng Pháp lại đơn giản hơn tiếng Anh vì chỉ có một đại từ quan hệ **où** thay cho các từ chỉ nơi chốn và thời gian. Trong tiếng Anh từ **when** thay cho đại từ quan hệ chỉ thời gian còn từ **where** thay cho đại từ quan hệ chỉ nơi chốn. Có một điểm cần lưu ý là đại từ quan hệ **where** và **when** trong tiếng Anh không bao giờ đứng sau giới từ nhưng đại từ quan hệ **où** trong tiếng Pháp lại phải đứng sau giới từ nếu có giới từ.

Đại từ quan hệ chỉ nơi chốn:

Tiếng Anh	Tiếng Pháp	Tiếng Việt
Ví dụ 1: - I worked <b>in the bakery</b> . - <b>The bakery</b> is next to the bank. The bakery where I worked is next to the bank. → The bakery <b>in which/where</b> <b>I worked</b> is next to the bank.	Ví dụ 1: - J'ai travaillé <b>dans la boulangerie</b> . - <b>La boulangerie</b> est à côté de la banque. → La boulangerie <b>où</b> <b>j'ai travaillé</b> est à côté de la banque. Sau đây là một số ví dụ <b>où</b> đứng sau giới từ de:	Ví dụ 1: - Tôi đã làm ở cửa hàng bánh. - Cửa hàng bánh ở cạnh ngân hàng. → Tôi đã làm ở cửa hàng bánh cạnh ngân hàng.



<p>Ví dụ 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- On the top of Tower Montparnasse there is <i>a restaurant</i>.</li> <li>- You can see the whole Paris city <i>from this restaurant</i>.</li> </ul> <p>→ On the top of Tower Montparnasse there is a restaurant <u>where/ from which</u> <i>You can see the whole Paris city</i>.</p>	<p>Ví dụ 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Un restaurant</i> se trouve en haut de la tour Monparnasse.</li> <li>- On peut apercevoir tout Paris <i>de ce restaurant</i>.</li> </ul> <p>→ En haut de la tour Monparnasse, se trouve un restaurant <u>d'où</u> <i>on peut apercevoir tout Paris</i>.</p>	<p>Ví dụ 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trên cao đỉnh tháp Montparnasse có một nhà hàng.</li> <li>- Từ nhà hàng này người ta có thể nhìn thấy cả thành phố Paris.</li> </ul> <p>→ Ở trên đỉnh tháp Montparnasse có một tiệm ăn từ đó người ta có thể nhìn thấy tất cả Paris</p>
---	---	--

Đại từ quan hệ chỉ thời gian:

Tiếng Anh	Tiếng Pháp	Tiếng Việt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- We were in Florida <i>one year</i>.</li> <li>- There was a very violent cyclone <i>that year</i>.</li> </ul> <p>→ We were in Florida one year <u>when</u> <i>There was a very violent cyclone</i>.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- J'étais en Floride <i>une année</i>.</li> <li>- Il y a eu très violent cyclone <i>cette année- là</i>.</li> </ul> <p>→ J'étais en Floride une année <u>où</u> <i>il y a eu très violent cyclone</i>.</p> <p>Tương tự như chỉ nơi chốn, khi đại từ quan hệ <i>où</i> dùng để chỉ thời gian thì cũng có thể đứng sau giới từ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đó chúng tôi ở Florida.</li> <li>- Có một trận bão lớn vào năm đó.</li> </ul> <p>→ Năm chúng tôi ở Florida có một trận bão rất lớn.</p>

### 3.5. Đại từ quan hệ chỉ sự sở hữu

Để thể hiện sự sở hữu, trong tiếng Anh có đại từ quan hệ *whose* (chủ yếu dùng cho người) và *of which* dùng cho sự vật. Trong tiếng Pháp có thể sử dụng đại từ quan hệ *dont* (dùng để chỉ người hoặc sự vật) còn có một số chức năng khác. *Dont* trong tiếng Pháp có rất nhiều chức năng: làm bổ ngữ gián tiếp, bổ ngữ chỉ cách thức, bổ nghĩa cho một danh từ, bổ nghĩa cho một tính từ... Sau đây chúng tôi chỉ so sánh từ *dont* với từ *whose* trong tiếng Anh để chỉ sự sở hữu, tức là bổ nghĩa cho một danh từ.

Tiếng Anh	Tiếng Pháp	Tiếng Việt
<p>Ví dụ 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- This is <i>the man</i>.</li> <li>- <i>His suitcase</i> is in the car.</li> </ul> <p>→ This is the man <u>whose</u> <i>suitcase is in the car</i>.</p>	<p>Ví dụ 1:</p> <p>Voici <i>l'homme</i>.</p> <p><i>Sa valise</i> est dans la voiture.</p> <p>→ Voici l'homme <u>dont</u> <i>la valise est dans la voiture</i>.</p>	<p>Ví dụ 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đây là người đàn ông.</li> <li>- Va-li của ông ấy ở trong xe ô-tô.</li> </ul> <p>→ Đây là người đàn ông mà va-li của ông ấy ở trong xe ô-tô.</p>
<p>Ví dụ 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- This passage is an extract from <i>a novel</i>.</li> <li>- I've forgotten the title <i>of this novel</i>.</li> </ul> <p>→ This passage is an extract from a novel <u>of which the title I've forgotten</u>.</p>	<p>Ví dụ 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ce passage est extrait <i>d'un roman</i>.</li> <li>- J'ai oublié le titre <i>de ce roman</i>.</li> </ul> <p>→ Ce passage est extrait d'un roman <u>dont j'ai oublié le titre</u>.</p>	<p>Ví dụ 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đoạn văn này là một đoạn trích từ một cuốn tiểu thuyết.</li> <li>- Tôi đã quên mất tiêu đề của cuốn tiểu thuyết đó.</li> </ul> <p><input type="checkbox"/> Đoạn văn này là đoạn trích từ một cuốn tiểu thuyết mà tôi đã quên mất tiêu đề.</p>

#### IV. KẾT LUẬN

Như vậy đại từ quan hệ trong tiếng Anh và tiếng Pháp có rất nhiều điểm tương đồng. Nếu ta đã biết tiếng Anh rồi thì học đại từ quan hệ của tiếng Pháp sẽ nhanh hơn và ngược lại. Trên đây chúng tôi cũng đã trình bày những điểm khác biệt cơ bản giữa hai hệ thống đại từ quan hệ để người học lưu ý tránh nhầm lẫn. Ở cả hai ngôn ngữ, ta cần phải chú ý đến chức năng ngữ pháp và ngữ nghĩa của đại từ quan hệ trong câu (chủ ngữ, tân ngữ trực tiếp, tân ngữ gián tiếp, chỉ thời gian, nơi chốn, sở hữu ...). Trong tiếng Pháp còn phải căn cứ vào giống và số. Trong tiếng Anh thì cần chú ý đến vị trí của đại từ quan hệ và xem là đại từ đó thay cho người hay vật và có thể lựa chọn nhiều phương án đúng. Nếu đi sâu vào nghiên cứu hai hệ thống đại từ quan hệ một cách riêng biệt thì còn có rất nhiều điều cần phải bàn: ví dụ trong tiếng Pháp còn có đại từ quan hệ *quoi* và có khi đại từ quan hệ không bỏ nghĩa cho từ đứng trước nó (antecedent). Trong tiếng Anh còn có mệnh đề quan hệ hạn định và không hạn định, mệnh đề quan hệ cắt giảm... Nhưng trong khuôn khổ bài báo này chúng tôi chỉ muốn nhấn mạnh vào các điểm tương đồng và khác biệt của hai hệ thống đại từ quan hệ nhằm giúp cho người mới học tiếp cận được với chúng một cách dễ dàng hơn.

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. M. Raymond, (1994) English Grammar in Use. Cambridge University Press.
- [2]. Nguyễn Ngọc Cảnh, (1998) Ngữ Pháp Tiếng Pháp. Nhà xuất bản Giáo dục.
- [3]. Trường Đại học Sorbornne (2004). Văn phạm ngữ pháp thực hành - trình độ trung cấp. Nhà xuất bản trẻ♦